

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020" với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC

1. Quan điểm: Chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam đến năm 2020 (sau đây gọi chung là Chiến lược) quán triệt các quan điểm sau:

a) Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước; tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và chương trình cải cách nền hành chính; thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại đồng thời tăng cường quản lý nhà nước về hải quan theo quy định của pháp luật.

c) Lấy cải cách, hiện đại hoá làm cơ sở, tập trung đầu tư để hiện đại hóa hải quan tại các vùng, địa bàn trọng điểm, đồng thời có tính đến sự phát triển cân đối, hài hoà giữa các vùng, địa bàn đảm bảo sự phát triển, hiện đại hoá chung của Hải quan Việt Nam. Kết hợp phát huy nội lực là chính với tranh thủ sự hỗ trợ bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững.

d) Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của các Bộ, ngành, địa phương mà trong đó ngành Hải quan là nòng cốt và trên cơ sở giám sát, thực hiện của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân.

2. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng Hải quan Việt Nam hiện đại, có cơ chế, chính sách đầy đủ, minh bạch, thủ tục hải quan đơn giản, hài hoà đạt chuẩn mực quốc tế, trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu tập trung và áp dụng rộng rãi phương thức quản lý rủi ro, đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á. Xây dựng lực lượng Hải quan đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu có trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả góp phần tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại hợp pháp, phát triển du lịch, thu hút đầu tư nước ngoài, đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Mục tiêu chủ yếu

a) Về thể chế: xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan theo hướng hiện đại, đồng bộ, tuân thủ chủ trương về cải cách thủ tục hành chính và các chuẩn mực, cam kết quốc tế; xây dựng hệ thống pháp luật hải quan hiện đại bao gồm đầy đủ các quy định về: thủ tục hải quan, chế độ quản lý hải quan và các cơ chế tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, các quy định về quản lý thuế, kiểm soát biên giới, chế tài, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, quy định quyền hạn của cơ quan hải quan tương xứng với trách nhiệm thực thi pháp luật hải quan, pháp luật thuế và pháp luật khác có liên quan.

b) Về công tác nghiệp vụ hải quan: phấn đấu đến năm 2020, về cơ bản các thủ tục và chế độ quản lý hải quan phải đơn giản, hiệu quả, hài hoà và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế; thủ tục hải quan chủ yếu được thực hiện bằng phương thức điện tử tại các địa bàn trọng điểm; thực hiện việc trao đổi thông tin trước khi hàng đến, thanh toán, quản lý các giấy phép bằng phương thức điện tử; thực hiện cơ chế doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt về thủ tục và an ninh theo các chuẩn mực của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO); áp dụng phương pháp quản lý rủi ro một cách hệ thống trong các khâu nghiệp vụ hải quan. Từ năm 2012, từng bước xử lý dữ liệu thông quan tập trung tại cấp Cục Hải quan; thực hiện cơ chế một cửa hải quan quốc gia và tham gia cơ chế một cửa ASEAN.

Nâng cao trình độ, năng lực quản lý thuế ngang tầm với các nước trong khu vực. Đảm bảo quản lý thuế công bằng, minh bạch, khả thi, hiệu quả, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, đảm bảo lợi ích quốc gia, hạn chế những thách thức, bất lợi phát sinh trong quá trình hội nhập. Đảm bảo nguồn thu của ngân sách nhà nước.

Tổ chức thực hiện và nâng cao chất lượng công tác nghiệp vụ cơ bản và phòng, chống có trọng điểm, hiệu quả hoạt động buôn lậu, vận chuyển các mặt hàng cấm qua biên giới. Triển khai thực hiện các cam kết quốc tế trong công tác phòng, chống khủng bố, rửa tiền, thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và hợp tác hải quan về kiểm soát chung. Thực hiện việc áp dụng các hàng rào kỹ thuật theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Đến năm 2020, hoạt động kiểm tra sau thông quan đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, hiệu quả dựa trên phương pháp quản lý rủi ro với quy trình nghiệp vụ được chuẩn hóa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp với các biện pháp chế tài, xử lý nghiêm minh.

c) Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực: xây dựng tổ chức bộ máy Hải quan hiện đại và theo nguyên tắc tập trung thống nhất, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường sự quản lý của Nhà nước, góp phần giữ gìn an ninh, an toàn quốc gia. Xây dựng lực lượng hải quan có trình độ chuyên nghiệp, hoạt động minh bạch, liêm chính, có hiệu lực, thích ứng nhanh với những thay đổi của môi trường, công nghệ và yêu cầu của tiến trình hội nhập quốc tế.

d) Về ứng dụng công nghệ thông tin: xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hải quan hiện đại trên nền tảng tập trung hoá xử lý dữ liệu, tích hợp đầy đủ các chức năng, xử lý hồ sơ hải quan điện tử, manifest điện tử, thanh toán điện tử, giấy phép điện tử; xây dựng các trung tâm xử lý dữ liệu cấp vùng đạt mức độ 2+ trở lên, trung tâm xử lý dữ liệu ngành đạt mức độ 3+ trở lên, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn an ninh, an toàn cao (24/24 và 24/7) và quản lý theo hướng dịch vụ; xây dựng cổng thông tin điện tử kết nối, trao đổi thông tin với các cơ quan liên quan, thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia và một cửa khu vực ASEAN.

Đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của số liệu thống kê nhà nước về hải quan làm cơ sở cho việc theo dõi, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình xuất khẩu, nhập khẩu và các hoạt động khác phục vụ kịp thời cho công tác hoạch định, chỉ đạo, điều hành về các chính sách kinh tế, thương mại và thuế của các cơ quan nhà nước.

đ) Một số chỉ tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện:

- Thực hiện thủ tục hải quan điện tử: đến 2015 có 100% các Cục Hải quan, 100% các Chi cục Hải quan tại các địa bàn trọng điểm (cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ quốc tế, các khu kinh tế trọng điểm), 60% các loại hình hải quan cơ bản, 70% kim ngạch xuất nhập khẩu, 60% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Đến 2020 có 100% các Cục Hải quan, 100% các Chi cục Hải quan, 100% các loại hình hải quan cơ bản, 90% kim ngạch xuất nhập khẩu, 80% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

- Thời gian thông quan hàng hoá đến 2015 bằng với mức trung bình của các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á tại thời điểm 2010 và đến 2020 phấn đấu bằng với mức của các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á tại cùng thời điểm.

- Tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hoá đến 2015 là dưới 10% và đến 2020 phấn đấu đạt dưới 7%.

- Tỷ lệ các giấy phép xuất nhập khẩu thực hiện trong cơ chế một cửa hải quan quốc gia đến 2015 là 50% và đến 2020 là 90%.

- Tập trung hoá xử lý dữ liệu điện tử của hệ thống thông quan hải quan vào năm 2015.

II. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC

1. Về xây dựng thể chế

a) Từ nay đến năm 2012: tổng kết, đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan và thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thời gian qua trên cơ sở đó nghiên cứu, đề xuất việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan và sửa đổi, bổ sung các quy định về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về đơn giản hoá thủ tục hành chính.

b) Giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2015: tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Hải quan thời gian qua và các Luật khác có liên quan để kiến nghị xây dựng, ban hành Luật Hải quan mới và các văn bản hướng dẫn thi hành để hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về hải quan theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

c) Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020: rà soát, điều chỉnh hệ thống văn bản pháp luật về hải quan và pháp luật khác có liên quan cho phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Hệ thống hoá và xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật quản lý nhà nước về hải quan đưa lên mạng trực tuyến, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, tiếp cận hệ thống pháp luật hải quan của người dân và doanh nghiệp.

2. Công tác nghiệp vụ hải quan

a) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan: áp dụng đầy đủ phương thức quản lý hải quan dựa trên quản lý sự tuân thủ theo các trụ cột: thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ, quản lý rủi ro và kiểm tra sau thông quan. Xây dựng chương trình quản lý tuân thủ đồng bộ, thống nhất trên các mặt bao gồm: chính sách khuyến khích tự nguyện tuân thủ pháp luật hải quan, các quy trình thủ tục, các chế tài, xử lý vi phạm và chương trình tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức.

Đơn giản, hài hòa hóa thủ tục hải quan phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế trên các phương diện: loại bỏ các yêu cầu cung cấp thông tin, chứng từ trùng lặp, chồng chéo; phân định rõ thủ tục và các chế độ quản lý hải quan trên cơ sở khuyến nghị và chuẩn mực của Công ước Kyoto sửa đổi; hài hòa hóa các thủ tục và chế độ quản lý hải quan có chung nội dung, bản chất về một thủ tục, chế độ quản lý chuẩn mực trên cơ sở khuyến nghị của Công ước Kyoto sửa đổi.

Áp dụng rộng rãi và hiệu quả việc thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan bằng phương thức điện tử để tiến tới môi trường làm việc không sử dụng giấy tờ trên các mặt: khai và tiếp nhận thông tin khai hải quan; trao đổi thông tin cấp phép và các chứng từ liên quan giữa các cơ quan nhà nước trong khuôn khổ cơ chế một cửa hải quan quốc gia.

Quản lý có hiệu quả các trang thiết bị kỹ thuật, máy móc kiểm tra hàng hóa, kiểm soát hải quan hiện đại tại các cửa khẩu, cảng. Thúc đẩy phát triển mạnh hệ thống đại lý làm thủ tục hải quan chuyên nghiệp. Xây dựng và phát triển chế độ ưu đãi đặc biệt cho các doanh nghiệp có độ tuân thủ cao, doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt.

Xây dựng và phát triển hệ thống phán quyết trước trong các lĩnh vực kỹ thuật nghiệp vụ như: trị giá hải quan, phân loại hàng hóa và xuất xứ hàng hóa phù hợp với hướng dẫn của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO).

b) Quản lý thuế

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ pháp luật cho người nộp thuế; thực hiện kết nối, trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan với ngân hàng, kho bạc; nâng cao kỹ năng quản lý thuế cho cán bộ, công chức hải quan. Thực hiện miễn, giảm, hoàn thuế bằng phương thức điện tử.

Phân loại nợ và từng bước giải quyết các khoản nợ khó đòi. Xây dựng và thực hiện các phương thức, biện pháp theo dõi, quản lý thu thuế, nợ thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế. Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu xác định trị giá, phân loại hàng hoá, quản lý thuế, phân tích dự báo thu ngân sách nhà nước kịp thời, sát thực tế.

c) Kiểm soát hải quan

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ hải quan, hệ thống quản lý rủi ro trong các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, tự động hóa cao; thiết lập, duy trì cơ chế phối hợp hiệu quả, chia sẻ thông tin với cộng đồng doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan, cơ quan hải quan nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kiểm soát hải quan.

Triển khai thống nhất, đồng bộ trong toàn ngành các biện pháp nghiệp vụ cơ bản gồm: tiến hành thường xuyên công tác điều tra nghiên cứu nắm tình hình, sưu tra tại tất cả các địa bàn, đảm bảo cập nhật thông tin nghiệp vụ, cung cấp thông tin phục vụ quản lý rủi ro và áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật hải quan. Xây dựng mạng lưới và hệ thống theo dõi, nắm tình hình, quản lý địa bàn có trọng điểm. Xử lý kiên quyết, hiệu quả các trường hợp vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế; tăng cường phối hợp, đấu tranh ngăn chặn các hành vi buôn bán, vận chuyển ma túy, vũ khí và các loại hàng cấm qua biên giới và các vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ, sản xuất, tiêu thụ hàng giả. Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan kết hợp với các biện pháp kiểm tra, giám sát trong quy trình thủ tục hải quan tại cửa khẩu. Xây dựng và áp dụng chế độ hồ sơ nghiệp vụ kiểm soát hải quan. ISO hoá quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan và các quá trình quản lý khác trong lực lượng kiểm tra sau thông quan. Ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ hoạt động kiểm tra sau thông quan.

3. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

a) Tổ chức bộ máy: kiện toàn hệ thống tổ chức hải quan đáp ứng các yêu cầu quản lý hải quan hiện đại, có quy mô phù hợp với khối lượng công việc và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa bàn, theo nguyên tắc gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả.

Đối với cơ quan Tổng cục Hải quan, kiện toàn bộ máy các đơn vị đảm bảo chức năng tham mưu, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên sâu theo từng lĩnh vực.

Đối với Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố, tiến hành rà soát, giảm bớt các đầu mối trung gian theo hướng Cục Hải quan tập trung vào nhiệm vụ quản lý hành chính, xử lý dữ liệu thông quan tập trung, kiểm tra giám sát việc thực thi nghiệp vụ của các đơn vị cấp dưới.

Đối với các Chi cục Hải quan, quy hoạch và sắp xếp lại hệ thống tổ chức theo hướng phù hợp với khối lượng công việc và đặc điểm địa lý của từng đơn vị; đối với những địa bàn trọng điểm, hình thành Chi cục Hải quan có quy mô quản lý rộng, khối lượng công việc lớn, đảm bảo việc sử dụng có hiệu quả trang thiết bị kỹ thuật hiện đại.

b) Về xây dựng, phát triển nguồn nhân lực:

Xây dựng và từng bước đưa vào áp dụng phương pháp quản lý nguồn nhân lực hiện đại thông qua việc phân tích công việc, xây dựng mô tả chức danh công việc chung, bộ tiêu chuẩn năng lực; xây dựng cơ chế quản lý, cập nhật và sử dụng các bảng mô tả công việc, bộ tiêu chuẩn năng lực; thực hiện việc rà soát, đánh giá toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu chức danh công việc; triển khai việc xây dựng các hệ thống trợ giúp hoạt động quản lý nguồn nhân lực trong ngành Hải quan.

Sửa đổi, bổ sung và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, quy định về quản lý cán bộ, như: tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, đánh giá, phân loại, điều động, luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm... theo phương thức quản lý nguồn nhân lực hiện đại dựa trên năng lực.

Đổi mới cơ chế quản lý biên chế đảm bảo thực hiện đầy đủ và có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Xây dựng chế độ đãi ngộ đối với những chuyên gia giỏi, có cơ chế thu hút, tuyển dụng nhân tài và xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý đối với công chức làm nhiệm vụ ở biên giới hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

Xây dựng hệ thống thông tin quản lý nhân sự ngành Hải quan theo hướng tự động hóa một số công việc nhằm quản lý nguồn nhân lực sau khi tổ chức, sắp xếp lại ngành Hải quan.

Phân tích nhu cầu đào tạo của cán bộ, công chức Hải quan và tiến hành chuẩn hóa giáo trình, nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ hải quan; đa dạng hóa các loại hình đào tạo; xây dựng và áp dụng những chính sách đãi ngộ hợp lý tạo động lực thúc đẩy cán bộ, công chức tích cực đi học để nâng cao trình độ; xây dựng cơ chế đánh giá kết quả đào tạo để nâng cao chất lượng dạy và học.

Xây dựng kế hoạch và triển khai một số chương trình đào tạo trọng điểm nhằm phục vụ cho công tác hiện đại hoá ngành. Tăng cường đào tạo phổ cập nghiệp vụ, đào tạo chuyên sâu, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng kiểm tra sau thông quan cho toàn lực lượng trong ngành.

Tập trung lực lượng cho hoạt động phòng, chống ma túy tại cấp Chi cục Hải quan, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm thường diễn ra hoạt động buôn bán, vận chuyển các chất ma túy qua biên giới.

Xây dựng trường Hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại đáp ứng với yêu cầu hiện đại hoá của ngành; kết hợp đào tạo trong nước với đào tạo ngoài nước bằng nhiều hình thức, nguồn lực khác nhau.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đảm bảo liêm chính hải quan. Hoàn chỉnh các quy định về kỷ luật, kỷ cương nội bộ với một hệ thống quy định chặt chẽ, định rõ các hành vi, tính chất của từng nhóm hành vi cùng với các biện pháp, hình thức chế tài, xử lý nghiêm khắc tương xứng. Kết hợp tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức với thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định về liêm chính hải quan, đồng thời xây dựng kế hoạch từng bước đảm bảo các yếu tố vật chất và tinh thần để thực hiện liêm chính hải quan. Tổ chức tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, cá nhân về liêm chính hải quan.

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật; công nghệ thông tin và thống kê hải quan

a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật:

Tập trung đầu tư, hiện đại hoá các trụ sở làm việc, địa điểm kiểm tra tập trung; các trang thiết bị kỹ thuật, công cụ hỗ trợ; hạ tầng truyền thông và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho các mặt hoạt động cơ quan hải quan đồng bộ, thống nhất và phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển của các ngành, địa phương. Các điểm thông quan trong nội địa, tại cửa khẩu, địa điểm kiểm tra tập trung phải được đặt tại khu vực trung tâm của các tuyến giao thông trọng điểm, các cụm khu công nghiệp, khu chế xuất, cảng biển, sân bay, hướng tới yêu cầu quản lý tập trung, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và kiểm soát biên giới.

Các Phòng thí nghiệm Hải quan được quy hoạch, xây dựng chủ yếu tại các địa bàn được xác định là trọng điểm về thương mại, đầu tư, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu. Việc đầu tư, xây dựng Phòng thí nghiệm Hải quan phải đạt tiêu chuẩn VILAS và hoàn thiện hệ thống các phương pháp phân tích chuẩn.

Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý được đổi mới và hiện đại hóa theo lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm có tính đến đặc điểm của từng địa bàn, đơn vị. Ưu tiên đầu tư trang bị đồng bộ hệ thống máy móc, trang thiết bị công nghệ thông tin, máy soi, hệ thống camera giám sát tại các địa bàn trọng điểm. Trang bị và sử dụng có hiệu quả đội chó nghiệp vụ phát hiện ma túy, các phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng kiểm soát, chống buôn lậu.

b) Công nghệ thông tin và thống kê hải quan: xây dựng hệ thống thông tin Hải quan tích hợp đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ và thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo hướng xử lý dữ liệu điện tử tập trung trên mô hình kiến trúc theo hướng dịch vụ, đóng vai trò cốt lõi của hệ thống công nghệ thông tin thuộc cơ chế một cửa quốc gia; phát triển và duy trì hoạt động ổn định của hạ tầng truyền thông, kết nối các đơn vị trong ngành hải quan và với các cơ quan có liên quan, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về băng thông và khả năng dự phòng; xây dựng từ 2 đến 3 Trung tâm xử lý dữ liệu điện tử Hải quan trực thuộc Tổng cục Hải quan đóng vai trò xử lý dữ liệu điện tử tập trung cho các hoạt

động nghiệp vụ trong ngành với hệ thống máy chủ lớn, các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại và các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn tiên tiến; xây dựng đội ngũ chuyên gia về công nghệ thông tin.

Hệ thống thông tin Hải quan được đầu tư theo phương thức huy động tối đa nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua quan hệ hợp tác công - tư theo lộ trình: trước hết đáp ứng các nghiệp vụ cốt lõi mang tính chuẩn mực; tích hợp tiến tới từng bước thay thế dần các hệ thống cũ xử lý các nghiệp vụ đặc thù bằng các cấu phần mới. Từng bước chuyển đổi hệ thống thành dịch vụ công có thu phí với mô hình quản lý theo mô hình doanh nghiệp công ích có sự tham gia quản lý, điều hành của cả khu vực công và khu vực tư nhân để vừa đảm bảo khả năng kiểm soát vừa nâng cao hiệu quả đầu tư cũng như có được nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực thích đáng để duy trì, vận hành và nâng cấp hệ thống nhằm đảm bảo tính sẵn sàng, linh hoạt cũng như khả năng thích ứng nhanh của hệ thống với các thay đổi từ chính sách và nghiệp vụ.

c) Triển khai các chỉ tiêu thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu mới trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; đa dạng hoá các sản phẩm thống kê; nâng cao chất lượng phân tích, dự báo thống kê; nghiên cứu áp dụng các kỹ thuật, nghiệp vụ thống kê hiện đại vào thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Các nội dung khác

a) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho cán bộ công chức trong ngành Hải quan, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng doanh nghiệp về chính sách, pháp luật, các quy trình thủ tục hải quan; các chương trình, kế hoạch hoạt động về cải cách, hiện đại hóa hải quan; tranh thủ sự phối hợp, đồng tình ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong thực thi pháp luật hải quan.

b) Xây dựng và thực hiện thống nhất mô hình hệ thống quản lý chất lượng bao gồm: hệ thống văn bản, danh mục các thủ tục hành chính, quy trình xử lý công việc trong cơ quan hải quan; xây dựng và triển khai hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của từng đơn vị, cá nhân trong ngành.

c) Nghiên cứu, xây dựng và triển khai chương trình quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp theo các nội dung chủ yếu sau: xây dựng và thực hiện cơ chế khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phản biện xã hội đối với các chính sách, văn bản pháp luật, quy trình thủ tục hải quan; xây dựng cơ chế thu thập thông tin phản hồi, đánh giá của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về việc thực thi pháp luật hải quan; từng bước áp dụng các chuẩn mực, khuyến nghị quốc tế trong phát triển quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp.

d) Đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương nhằm chia sẻ kinh nghiệm về cải cách, hiện đại hóa, phương pháp, kỹ thuật quản lý hải quan hiện đại hóa; thực hiện các sáng kiến khu vực đặc biệt trong lĩnh vực hiện đại hoá thủ tục, áp dụng các kỹ thuật hải quan mới đồng thời góp phần nâng cao vị thế, uy tín và quyền lợi của Hải quan Việt Nam trên trường quốc tế. Tìm

kiểm, vận động các dự án hỗ trợ kỹ thuật, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế và các nước phục vụ cho quá trình cải cách, phát triển và hiện đại hoá ngành.

đ) Thực hiện hiệu quả cơ chế quản lý tài chính về đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động được phân bổ ổn định theo tỷ lệ (%) trên dự toán thu ngân sách hàng năm Nhà nước giao cho ngành Hải quan theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu, triển khai thí điểm việc xã hội hóa một số dịch vụ công do cơ quan hải quan cung cấp hoặc thực hiện để từ đó nhân rộng, ban hành cơ chế, chính sách áp dụng chung nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm bớt gánh nặng ngân sách. Áp dụng các hình thức thuê ngoài làm và thuê dịch vụ; chuyển đổi một số dịch vụ công do cơ quan hải quan cung cấp thành các dịch vụ có thu phí; phát triển các hình thức liên kết đầu tư hoặc thuê mua theo hình thức công - tư đối với một số loại thiết bị chuyên dụng, một số dịch vụ công hoặc những hệ thống kỹ thuật, công nghệ đòi hỏi mức đầu tư lớn trong bối cảnh nguồn lực tài chính hạn chế. Huy động tổng hợp và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho các hoạt động phát triển hải quan từ các nguồn: ngân sách, tài trợ từ nước ngoài, đầu tư của khu vực tư nhân và các nguồn thu từ việc cung cấp hoặc xã hội hóa các dịch vụ công.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện chiến lược.

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện chiến lược này; phê duyệt và chỉ đạo kế hoạch thực hiện các nội dung chiến lược theo từng giai đoạn;

b) Hướng dẫn, đôn đốc các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, nội dung có liên quan đến chiến lược;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, địa phương liên quan kiểm tra việc thực hiện chiến lược; hàng năm và định kỳ 5 năm tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện chiến lược;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung chiến lược trong trường hợp cần thiết.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối, bố trí vốn đầu tư hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện chiến lược.

3. Bộ Giao thông vận tải khi phê duyệt, thực hiện hiện quy hoạch xây dựng, phát triển giao thông, các cảng biển, cảng hàng không, ga đường sắt, cửa khẩu đường bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính và địa phương liên quan thống nhất việc quy hoạch, bố trí các cơ sở Hải quan để đảm bảo các điều kiện cần thiết cho thực hiện Chiến lược này.

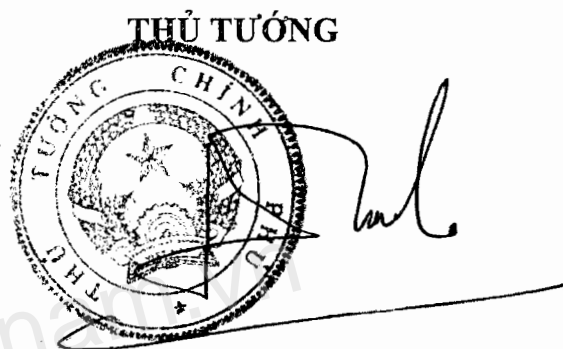
4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm chỉ đạo, tham gia thực hiện các nội dung có liên quan của Chiến lược này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b). KH 240



Nguyễn Tấn Dũng